08 NHÓM VẬT TƯ

CATALOG VẬT TƯ ĐƯỜNG ỐNG

Tài liệu chọn chủng loại cho nhà thầu

01 **Van cổng và van cầu**
Đóng mở đường ống chính và tiết lưu đường nhánh

02 **Van bi**
Đóng mở nhanh, cách ly và xả

03 **Van bướm**
Kẹp giữa mặt bích trên ống cỡ lớn

04 **Van một chiều**
Chặn chảy ngược sau bơm và đường đẩy

05 **Van an toàn**
Xả áp trên bình, bồn và đường ống

06 **Bẫy hơi**
Xả nước ngưng trên đường hơi

07 **Gioăng làm kín**
Làm kín mối nối mặt bích

08 **Khớp nối mềm và giãn nở**
Chịu rung, lệch trục và giãn nở nhiệt

Cách dùng tài liệu

1. Dùng tài liệu này để nhận dạng chủng loại khi lập khối lượng và gửi hỏi giá.
2. Mỗi thẻ có ảnh, tên gọi và các ý nhìn thấy trên ảnh. Chỗ không có số liệu ghi xác nhận khi báo giá.
3. Trước khi đưa vào bảng khối lượng, đối chiếu mã, kích thước, cấp áp và vật liệu với bản vẽ.
4. Ghi kiểu nối là mặt bích hoặc nối ren. Mối mặt bích thì tính thêm gioăng làm kín.
5. Ghi vị trí lắp: đường ống chính, đường nhánh, sau bơm, bình chịu áp hoặc đường hơi.
6. Khớp nối mềm và ống giãn nở tính riêng, không gộp vào hạng mục van.
7. Điền phiếu ở trang cuối để bên báo giá điền đúng từng hạng mục.

01 Van cổng và van cầu

Van cổng dùng đóng mở trên đường ống chính. Van cầu dùng tiết lưu trên đường nhánh và điểm xả.



Van cổng nối ren

– Thân màu đồng, tay quay, ty van
– Hai đầu nối ren
– Kích thước và cấp áp: xác nhận khi báo giá

Công dụng: Đóng hoặc mở hết trên đường ống nước và đường nhánh nhỏ.



Van cổng mặt bích

Ký hiệu trên thân: PN16

– Mặt bích, tay quay, ty van ngoài
– Thân có ký hiệu PN16
– Vật liệu và kích thước: xác nhận khi báo giá

Công dụng: Đóng mở đường ống chính, tại vị trí cần mở hết hoặc đóng hết.



Van cầu mặt bích

– Mặt bích, tay quay, ty van ngoài
– Thân kim loại, nắp bắt bulông
– Hãng, kích thước, cấp áp: xác nhận khi báo giá

Công dụng: Tiết lưu và đóng mở trên đường nhánh và điểm xả.

02 Van bi

Dùng để đóng mở nhanh trên đường ống công nghệ, điểm cách ly và đường xả.



Van bi mặt bích, tay gạt

– Mặt bích, tay gạt
– Thân kim loại
– Hãng, kích thước, cấp áp: xác nhận khi báo giá

Công dụng: Đóng mở nhanh để cách ly một đoạn ống.



Van bi mặt bích

– Thân cắt, thấy bi và gioăng làm kín
– Hai đầu mặt bích
– Hãng, kích thước, cấp áp: xác nhận khi báo giá

Công dụng: Cách ly đường ống. Chọn bi và gioăng theo lưu chất khi báo giá.



Van bi mặt bích, truyền động khí nén

– Thân van mặt bích, phía dưới bộ truyền động
– Có tay quay trên bộ truyền động
– Hãng, kích thước, cấp áp: xác nhận khi báo giá

Công dụng: Đóng mở từ xa bằng khí nén, vẫn vận hành được tại chỗ.

03 Van bướm

Kẹp giữa hai mặt bích trên đường ống nước và lưu chất sạch, dùng cho cỡ ống lớn.



Van bướm tay gạt

– Kiểu kẹp giữa mặt bích, tay gạt có khóa
– Đĩa màu sáng, gioăng đen trên thân
– Hãng, kích thước, cấp áp: xác nhận khi báo giá

Công dụng: Đóng mở nhanh đường ống nước, lắp kẹp giữa hai mặt bích.



Van bướm hộp số

– Kiểu kẹp, hộp số và tay quay
– Đĩa màu sáng, gioăng đen trên thân
– Hãng, kích thước, cấp áp: xác nhận khi báo giá

Công dụng: Đóng mở ống cỡ lớn. Hộp số giảm lực trên tay quay.

04 Van một chiều

Lắp sau bơm và trên đường đẩy để dòng đi một chiều, chặn nước chảy ngược.



Van một chiều nối ren

Trên thân: 2 1/2 và 125

- Thân màu đồng, nắp trên, mũi tên chiều dòng
- Thân dập cỡ 2 1/2 và số 125
- Hai đầu nối ren

Công dụng: Chặn chảy ngược trên ống nhỏ. Lắp đúng chiều mũi tên.



Van một chiều mặt bích

- Mặt bích, nắp bắt bulông, có móc cẩu
- Đĩa nằm trong thân
- Hãng, kích thước, cấp áp: xác nhận khi báo giá

Công dụng: Chặn chảy ngược trên đường đẩy của bơm.

05 Van an toàn

Lắp trên bình chịu áp, bồn và đường ống để xả khi áp suất vượt trị số cài.



Van an toàn mặt bích

– Mặt bích đầu vào và đầu ra
– Nắp lò xo phía trên thân
– Hãng, kích thước, áp cài: xác nhận khi báo giá

Công dụng: Tự xả khi áp trong đường ống hoặc bình vượt trị số cài.



Van an toàn nối ren, có tay giật

– Thân màu đồng, hai đầu nối ren
– Có tay giật phía trên
– Nhãn không đọc được. Hãng và áp cài: xác nhận khi báo giá

Công dụng: Xả áp trên bình nhỏ. Tay giật dùng để kiểm tra mở van.



Van xả áp

Mã trên ảnh: Model 50-01

– Mặt bích, cụm điều khiển phía trên
– Có ống đồng nối cụm điều khiển
– Kích thước, cấp áp, vật liệu: xác nhận khi báo giá

Công dụng: Xả hoặc giữ áp trên đường ống nước.

06 Bẫy hơi

Lắp trên đường hơi và trước đường nước ngưng để xả nước ngưng, giữ hơi.



Bẫy hơi nhiệt động

Mã trên ảnh: TD-10NA

– Trên thân có số 15
– Nối ren, có mũi tên chiều dòng
– Hãng và cấp áp: xác nhận khi báo giá

Công dụng: Xả nước ngưng trên đường hơi nhỏ, hai đầu nối ren.



Bẫy hơi nhiệt động, mặt bích

Trên thân: số 15

– Hai đầu mặt bích, nắp màu sáng
– Có mũi tên chiều dòng
– Hãng, mã và cấp áp: xác nhận khi báo giá

Công dụng: Xả nước ngưng tại mối mặt bích trên đường hơi.



Bẫy hơi thân đúc

Ký hiệu trên thân: TLV

– Thân đúc, nắp bắt bulông
– Hai đầu nối ren
– Kích thước và cấp áp: xác nhận khi báo giá

Công dụng: Xả nước ngưng trên đường hơi, kiểu thân đúc nối ren.

07 Gioăng làm kín

Lót giữa hai mặt bích để làm kín mối nối. Chọn theo lưu chất, nhiệt độ và cấp áp.



Tấm gioăng phi kim

Hãng TEADIT · Mã NA 1005

- Trên tấm có chữ DIN 28091
- Trên tấm có ký hiệu FA-A1-0
- Độ dày và cỡ cắt: xác nhận khi báo giá

Công dụng: Cắt làm gioăng mặt bích cho đường ống và thiết bị.



Gioăng xoắn

Vành ghi: DONIT TESNIT

- Cỡ ghi DN50 PN40
- Vật liệu ghi 316/PTFE
- Vành ngoài và vành trong bằng kim loại

Công dụng: Làm kín mặt bích đúng cỡ DN50, cấp PN40 ghi trên vành.



Gioăng ring joint

- Vòng kim loại, kiểu oval và kiểu bát giác
- Không thấy cỡ in trên ảnh
- Hãng, vật liệu và cấp áp: xác nhận khi báo giá

Công dụng: Làm kín mặt bích có rãnh ring. Chọn đúng kiểu vòng khi báo giá.

08 Khớp nối mềm và giãn nở

Lắp tại bơm, máy và đoạn ống thẳng để chịu rung, lệch trục và giãn nở nhiệt.



Khớp nối mềm cao su, mặt bích

– Hai mặt bích kim loại, thân cao su đen
– Dạng một sóng
– Hãng, kích thước, cấp áp: xác nhận khi báo giá

Công dụng: Giảm rung sau bơm, nối giữa hai mặt bích.



Ống mềm nối ren

– Lưới bện kim loại, hai đầu nối ren
– Thân ống uốn được
– Hãng, kích thước, cấp áp: xác nhận khi báo giá

Công dụng: Nối mềm tại máy và điểm rung, hai đầu ren.



Ống giãn nở mặt bích

Mã trên ảnh: EB-11 và EB-12

– Hai đầu mặt bích, thân kim loại
– EB-12 có chân đỡ dưới thân
– Áp suất, độ giãn, vật liệu: xác nhận khi báo giá

Công dụng: Bù giãn nở trên đường ống thẳng. Chọn mã khi báo giá.

Phiếu thông tin để báo giá

Mỗi khối là một hạng mục. Điền đủ các ô. Số liệu không có trên ảnh thì ghi để xác nhận khi báo giá.

Hạng mục 1 _____

Lưu chất _____ Nhiệt độ _____ Áp suất _____

Kích thước _____ Kiểu nối _____ Vật liệu _____

Số lượng _____ Vị trí lắp _____

Hạng mục 2 _____

Lưu chất _____ Nhiệt độ _____ Áp suất _____

Kích thước _____ Kiểu nối _____ Vật liệu _____

Số lượng _____ Vị trí lắp _____

Hạng mục 3 _____

Lưu chất _____ Nhiệt độ _____ Áp suất _____

Kích thước _____ Kiểu nối _____ Vật liệu _____

Số lượng _____ Vị trí lắp _____

Hạng mục 4 _____

Lưu chất _____ Nhiệt độ _____ Áp suất _____

Kích thước _____ Kiểu nối _____ Vật liệu _____

Số lượng _____ Vị trí lắp _____